

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 08/2023/HS - ST
Ngày 06 – 3 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu.

Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Thành.

Bà Lưu Thị Phụng.

Bà Đào Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Mơ – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 17/8/1980, tại tỉnh Tiền Giang.

ĐKTT và chỗ ở hiện nay: ấp G, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1953 và bà Lê Thị L, sinh năm 1954; Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con út trong gia đình; vợ: Nguyễn Kim L, sinh năm 1979; Bị cáo có 03 người con: lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T, bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 16/11/2021, chuyển tạm giam ngày 19/11/2021 đến nay, bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Ngọc Q – Văn phòng luật sư Phạm Thị Kim T - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị hại:

+ **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1954. (có mặt).

Nơi cư trú: ấp GL, xã H, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1969 . (xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp G, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ **Nguyễn Kim L**, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp G, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ **Đoàn Thị Ngọc B**, sinh năm 1964 (xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp HT, thị trấn TH, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

+ **Lương Minh T2**, sinh năm 1958 (xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp GL, xã H, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ **Ngô Hồng C**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp L, xã PT, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

+ **Nguyễn Trúc L2**, sinh năm 1983 (xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp GL, xã H, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T, trước đây là Chủ doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương mại T. Khoảng đầu năm 2016, không nhớ ngày, tháng, T đến địa bàn thành phố M nhờ một người đàn ông (T không biết lai lịch địa chỉ cụ thể) pho to màu, sửa từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BM 7909XX, số vào sổ cấp GCN: CH000XX, đứng tên Nguyễn Ngọc T do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G ký ngày 03/02/2015, với diện tích 358,2 m² đất tọa lạc tại ấp G, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang để pho to màu thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, gồm: Giấy chứng nhận số BG 3029XX, số vào sổ cấp GCN: CH 0003XX, ngày 07/9/2012 và giấy chứng nhận số BM 7909XX, số vào sổ cấp GCN: CH000XX, ngày 03/02/2015 đều đứng tên Nguyễn Ngọc T, T chỉ nhớ trả tiền công cho người làm giấy giả cho T khoảng hơn 100.000 đồng. Sau khi làm được 02 giấy giả, T lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất “số BM 7909XX, số vào sổ cấp GCN: CH000XX (giấy thật), đem thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Đến tháng 4/2018 âm lịch, do làm ăn thua lỗ cần vay thêm tiền để kinh doanh và trả nợ, T đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tiền của các bị hại, cụ thể như sau:

Khoảng tháng 4/2018 (âm lịch), do biết ông Ngô Hồng C, sinh năm 1965, cư trú: ấp L, xã PT, huyện P, tỉnh Tiền Giang có quen thân với chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1969, cư trú: ấp G, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang, nên T nhờ ông C cùng đến nhà của chị H hỏi vay 250.000.000 đồng cho T. Chị H yêu cầu T nếu vay phải có “thế chấp” nên T đưa cho chị H “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 3029XX, sổ vào sổ cấp GCN: CH 0003XX” (giấy giả) đứng tên Nguyễn Ngọc T và hứa với chị H khoảng 10 ngày đến 01 tháng sau khi trả đủ tiền thì sẽ chuộc lại “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, chị H tin lời nên nhận giấy và cho T vay 250.000.000 đồng. Khoảng 03 tháng sau T trả vốn được 150.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng T không có tiền trả, nên chị H yêu cầu ra Phòng công chứng để sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đã đưa trước đó. Lúc này, vợ T là Nguyễn Kim L viết biên nhận nợ cả lãi, vốn là 120.000.000 đồng hẹn ngày 21/5/2019 sẽ trả, đến hẹn T, L vẫn không trả, chị H kiểm tra nghi ngờ “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” mà T đưa là giả nên trình báo sự việc đến Cơ quan Công an, T thừa nhận đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên để vay tiền chị H.

Ngày 06/9/2018, T, sử dụng “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BM 7909XX, sổ vào sổ cấp GCN: CH000XX, đứng tên Nguyễn Ngọc T (giấy giả) để chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954, cư trú: ấp GL, xã H, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang, với giá 1.500.000.000 đồng, nhưng trong hợp đồng chỉ thể hiện 1.200.000.000 đồng. Lúc công chứng, ông Đ không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả nên ký hợp đồng chuyển nhượng với Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Kim L (vợ T), do chị Đoàn Thị Ngọc B, Công chứng viên Văn phòng công chứng C thuộc Khu phố HT, thị trấn TH, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang, cũng không phát hiện giấy giả nên đã thực hiện việc công chứng, sau đó ông Đ giao đủ tiền cho T vay là 1.500.000.000 đồng. Đến khoảng 08 tháng sau, ông Đ phát hiện giấy chủ quyền đất trên là giấy giả, yêu cầu T trả lại tiền, T thừa nhận nhưng không trả được tiền nên ông Đ có đơn tố giác T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.

Tại bản kết luận giám định số 696/GĐ/PC09-Đ3 ngày 18/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang, có kết luận: “ *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” đứng tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980, số CMND: 3115083XX, địa chỉ thường trú: ấp H, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; số BG 3029XX, sổ vào sổ cấp GCN: CH003XX, ghi ngày 07/9/2012 (ký hiệu A) là giấy giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu”.

Tại bản kết luận giám định số: 1005/KTHS-Đ2 ngày 16/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang có kết luận giám định: Phôi “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” số BM 7909XX; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Nguyễn Ngọc T, năm sinh: 1980, CMND số 3115083XX; địa chỉ thường trú: ấp H, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; sổ vào sổ cấp GCN:

CH000XX, ghi ngày 03/02/2015 (ký hiệu 1005/A) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN TX. G T TIỀN GIANG” trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất” số BM7909XX là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Trong quá trình điều tra khám xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ của Nguyễn Ngọc T 01 cây súng bằng kim loại màu đen, dài 21,5 cm, đường kính nòng súng 0,6 cm, trong hộp tiếp đạn có 12 viên đạn kim loại màu trắng. Tuy nhiên, kết luận giám định số 1083/KTHS(D92) ngày 01/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang, kết luận khẩu súng gửi giám định là khẩu súng bắn đạn bi bằng lực đẩy của khí nén và thuộc loại đồ chơi nguy hiểm, không phải là vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang đã tách ra để xử lý hành chính đối với Nguyễn Ngọc T theo quy định.

** Vật chứng, đồ vật đã thu giữ gồm:*

- 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” đứng tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980, số CMND: 3115083XX, địa chỉ thường trú: ấp H, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; số BG 3029XX, số vào sổ cấp GCN: CH003XX, ghi ngày 07/9/2012 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BM 7909XX; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Nguyễn Ngọc T, năm sinh: 1980, CMND số 3115083XX; địa chỉ thường trú: ấp H, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; số vào sổ cấp GCN: CH000XX, ghi ngày 03/02/2015.

- Đối với các loại giấy tờ và tiền Việt Nam: 20.830.000 đồng đã tạm giữ trong việc khám xét không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang đã giao trả lại cho gia đình bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Ngày 22/11/2021 sau khi T bị bắt, chị Nguyễn Kim L là vợ T đã trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau khi bà Trần Thị Thu H làm đơn tố giác, T đã trả đủ số tiền 120.000.000 đồng. Ông Đ, chị H đã bãi nại về trách nhiệm dân sự cho Nguyễn Ngọc T.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKSTG-P2 ngày 29 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 3 đến 4 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội trên.

+ Về xử lý vật chứng: đề nghị lưu vào hồ sơ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xác định là tài liệu giả.

+ Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, chị Nguyễn Kim L vợ bị cáo đã hoàn trả đầy đủ tiền cho 02 bị hại, hai người này xin bãi nại và không có yêu cầu gì khác nên không đặt vấn đề giải quyết.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu và đề nghị:

Theo Luật sư xác định mối quan hệ giữa bị cáo và hai bị hại trong vụ án là giao dịch dân sự bởi: Nguyễn Ngọc T vay tiền của ông Đ và chị H, việc thỏa thuận là tự nguyện không có hành vi gian dối hay bỏ trốn khỏi địa phương. Trong các món vay nêu trên T có nhiều lần trả vốn, lãi. Sau đó do dịch bệnh làm ăn thất bại nên không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ. Mặt khác, trong đơn xin bãi nại vào năm 2021, nội dung thể hiện ông Đ có biết T đưa giấy giả khi thực hiện giao dịch. Như vậy có căn cứ xác định bị cáo T không có hành vi gian dối, không lừa gạt bị hại để lấy tiền do đó bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, cũng theo Luật sư nếu có quy kết T phạm tội thì đề nghị áp dụng các tình tiết như: Thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả, lần đầu tiên phạm tội và được bị hại bãi nại để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Tại phiên tòa ông Đ cho rằng, sau khi khởi tố vụ án ông mới biết được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T giao cho ông là giấy giả. Tuy nhiên, do Kim L là vợ T lập sẵn đơn bãi nại đem đến cam kết trả tiền, năn nỉ ông ký tên. Do được trả tiền ông ký tên bãi nại cho T mà không cần phải biết rõ nội dung. Ông khẳng định khi giao dịch ông hoàn toàn không biết đây là giấy giả, kể cả Văn phòng công chứng cũng không biết được. Lời trình bày của Luật sư là không đúng.

- Bị cáo T xác định khi giao dịch và thực hiện xác nhận tại Văn phòng công chứng, mọi người không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan là giấy giả.

Kết thúc phần tranh luận, Bị cáo nói lời sau cùng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo và cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố, thì thấy rằng: Để có tiền kinh doanh, trả nợ và tiêu xài cá nhân, Nguyễn Ngọc T nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 3029XX, số vào sổ cấp GCN: CH003XX, ghi ngày 07/9/2012 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 7909XX, số vào sổ cấp GCN: CH000XX, ghi ngày 03/02/2015, để người khác tin tưởng cho vay tiền. Sau khi thuê người khác làm giả được 02 giấy, trong khoảng thời gian tháng 4/2018 (âm lịch) và ngày 06/9/2018 tại ấp G, xã TĐ, huyện Đ và Văn phòng công chứng C thuộc Khu phố HT, thị trấn TH, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang, T 02 lần sử dụng 02 giấy tờ đất giả để vay của chị Trần Thị Thu H số tiền 250.000.000 đồng và của ông Nguyễn Văn Đ số tiền 1.500.000.000 đồng, sau đó T có trả được cho chị H 150.000.000đ. Vậy tổng số tiền chiếm đoạt là 1.600.000.000 đồng, do đó T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố và lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức đề nghị hình phạt là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định nhưng bị cáo đã đưa ra thông tin để thuê người khác làm giả giấy này và thực hiện thủ đoạn gian dối làm cho người khác tưởng đây là giấy tờ thật để giao dịch giao tài sản, hành vi này là vi phạm pháp luật nên phải được xử lý nghiêm. Bị cáo phạm tội vì động cơ tham lam, tư lợi. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần được pháp luật quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động vợ của bị cáo hoàn trả tiền cho hai bị hại, khắc phục toàn bộ hậu quả xảy ra, đồng thời được bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo cùng một lần bị xét xử về hai tội nên áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được hoàn trả toàn bộ cho hai bị hại và bị hại cũng không có yêu cầu gì khác. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số: BG 3029XX ghi ngày 07/9/2012, số vào sổ cấp GCN: CH0003XX và giấy số BM 7909XX, vào sổ cấp GCN: CH000XX ghi ngày 03/02/2015 đứng tên Nguyễn Ngọc T là hai tài liệu giả nên tiếp tục lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

[8] Đối với Nguyễn Kim L là vợ bị cáo Nguyễn Ngọc T, xác định ngày 06/9/2018 L cùng T ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn Đ. L chỉ thực hiện theo yêu cầu của T, không biết giấy đất là giấy giả. Đối với việc vay nợ của bà Trần Thị Thu H, lúc T dùng giấy giả đưa bà H làm tin để vay, L cũng không biết. Do vậy có căn cứ xác định L không đồng phạm với T.

[9] Đối với việc công chứng hợp đồng ngày 06/9/2018 giữa bị cáo T với bị hại Nguyễn Văn Đ, tại thời điểm năm 2018 không có thiết bị phân biệt giấy thật, giả, không có cơ sở dữ liệu để tra cứu thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó không xử lý đối với người có liên quan tại Văn phòng công chứng.

[10] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Xét ý kiến, đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50, 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số: BG 3029XX ghi ngày 07/9/2012, sổ vào sổ cấp GCN: CH0003XX và giấy số BM 7909XX, vào sổ cấp GCN: CH000XX ghi ngày 03/02/2015 đứng tên Nguyễn Ngọc T là hai tài liệu giả.

3. Về án phí:

- Căn cứ **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CA tỉnh TG;
- Bộ phận thi hành án phạt tù;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Trung Hiếu

